|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG ĐH SPKT TP.HCM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc* |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Tên chương trình: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh : **Electronic Commerce** (E - COMMERCE)

Mã ngành: 52340122

Hình thức đào tạo: Chính quy

(*Ban hành theo Quyết định số: ……..ngày …… tháng…….năm 201… của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh*)

**3.1.1 Thời gian đào tạo:** *4 năm*

**3.1.2 Đối tượng tuyển sinh:** *Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)*

- Tuyển học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông được Hội đồng tuyển sinh của trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM xét trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh quốc gia tổ chức hàng năm.

**3.1.3 Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**- Thang điểm:** *10*

**- Quy trình đào tạo:** *Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

* **Điều kiện tốt nghiệp:**

**+** Điều kiện chung**:**  *Theo qui chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT*

**3.1.4 Mục tiêu đào tạo:**

**Mục tiêu chung:**

Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử đáp ứng được nhu cầu xã hội, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đồng thời có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao ở trình độ đại học, ngoại ngữ và thông thạo về công nghệ thông tin; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về thương mại điện tử; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại điện tử; có khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo; có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức tiếp nhận.

**Mục tiêu cụ thể:**

1. Trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, khoa học kinh tế và quản trị.

2. Phát triển năng lực khám phá tri thức, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thương mại, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.

3. Là công dân toàn cầu, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả.

4. Phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống, dự án kinh doanh trong doanh nghiệp và bên ngoài xã hội.

**Chuẩn đầu ra (cấp độ 2)**

1. KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.
   1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề kinh tế.
   2. Vận dụng kiến thức tổng quan về thương mại và công nghệ thông tin để khai thác các nguồn lực trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.
   3. Áp dụng kiến thức về thương mại điện tử: marketing điện tử, quản trị bán hàng, quản trị logistics, quản trị ngoại thương, thanh toán điện tử, thiết kế web, bảo mật thương mại điện tử.
2. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP
   1. Kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về kinh doanh thương mại.
   2. Điều tra nghiên cứu, thực nghiệm và khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau để đề ra các giải pháp trong kinh doanh thương mại.
   3. Khả năng tư duy có hệ thống và toàn diện
   4. Phát triển kỹ năng cá nhân, rèn luyện thể chất và thái độ làm việc chuyên nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát triển năng lực học tập suốt đời.
   5. Hình thành ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.
3. KỸ NĂNG TƯƠNG TÁC
   1. Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả.
   2. Khả năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh.
   3. Khả năng giao tiếp, sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh (Toeic 500 và các chứng chỉ tương đương)
4. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VẬN HÀNH HỆ THỐNG, DỰ ÁN KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ BÊN NGOÀI XÃ HỘI.
   1. Nhận thức được tầm quan trọng của bối cảnh xã hội đối với hoạt động kinh doanh và thể hiện trách nhiệm của người cử nhân thương mại điện tử đối với xã hội.
   2. Nhận diện và thích nghi với sự khác biệt của môi trường làm việc khác nhau.
   3. Hình thành ý tưởng phát triển hoạt động kinh doanh thương mại.
   4. Thiết kế được các hệ thống kinh doanh thương mại phức hợp.
   5. Triển khai và quản lý thực hiện các dự án kinh doanh thương mại điện tử phức hợp.
   6. Vận hành và quản lý vận hành hệ thống kinh doanh phức hợp
   7. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp

**5. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân ngành Thương mại điện tử có thể làm việc tại các phòng ban, công ty như: phòng Dịch vụ thanh toán tại các ngân hàng; phòng Kinh doanh tại các công ty thương mại điện tử, công ty xuất nhập khẩu, Hãng hàng không; phòng Marketing tại các công ty có mảng bán hàng online; công ty công nghệ, phần mềm; công ty truyền thông, quảng cáo với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý.

**3.1. 5 Khối lượng kiến thức toàn khóa (***tính bằng tín chỉ*)

**-**  150 Tín chỉ *(không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)*

**3.1.6 Phân bổ khối lượng các khối kiến thức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Số tín chỉ** | | |
| **Tổng** | **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| **Kiến thức giáo dục đại cương** | **56** | **52** | **4** |
| Lý luận chính trị và Pháp luật đại cương | 12 | 12 |  |
| Khoa học XH&NV | 12 | 8 | 4 |
| Anh văn | 9 | 9 |  |
| Tin học | 3 | 3 |  |
| Toán và KHTN | 20 | 20 |  |
| **Khối kiến thức chuyên nghiệp** | **94** | **85** | **12** |
| Cơ sở nhóm ngành và ngành | 33 | 27 | 6 |
| Chuyên ngành | 47 | 43 | 4 |
| Thực tập xưởng |  |  |  |
| Thực tập tốt nghiệp | 4 | 4 |  |
| Khóa luận tốt nghiệp | 10 | 10 |  |
| **Khối kiến thức sư phạm** (nếu có) |  |  |  |
| Lý thuyết |  |  |  |
| Thực tập sư phạm |  |  |  |

**3.1.7. Nội dung chương trình**

**A – PHẦN BẮT BUÔC**

**3.1.7.1 Kiến thức giáo dục đại cương**

**3.1.7.1.1 L‎ý luận chính trị + pháp luật đại cương và Khoa học XH & NV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
| 1 | LLCT150105 | Những nguyên lý cơ bản CN Mác–Lênin | 5 | *BB Bộ* |
| 2 | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | *BB Bộ* |
| 3 | LLCT230214 | Đường lối CM của ĐCS Việt Nam | 3 | *BB Bộ* |
| 4 | ECOM130108 | Nhập môn ngành Thương mại điện tử | 3 (2+1) | *BB trường* |
| 5 | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | *BB Bộ* |
| 6 | SCRE220306 | Phương pháp NCKH kinh tế | 2 | *BB khoa* |
| 7 | FUMA230806 | Quản trị học căn bản | 3 | *BB khoa* |
| 8 | MACR230406 | Kinh tế vĩ mô | 3 | *BB khoa* |
| **Tổng cộng** | | | **23** |  |

**3.1.7.1.2 Ngoại ngữ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
| 1 | ENGL130137 | Anh văn 1 | 3 | *BB trường* |
| 2 | ENGL230237 | Anh văn 2 | 3 | *BB trường* |
| 3 | ENGL330337 | Anh văn 3 | 3 | *BB trường* |
| **Tổng cộng** | | | **9** |  |

**3.1.7.1.3 Toán – Tin học – Khoa học Tự nhiên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | MATH130801 | Toán cao cấp C1 | 3 | *BB trường* |
| 2 | MATH130901 | Toán cao cấp C2 | 3 | *BB trường* |
| 3 | MIOF130207 | Tin học văn phòng | 3 (2+1) | *BB trường* |
| 4 | STAT231006 | Thống kê trong kinh doanh | 3 | *Khoa chọn* |
| 5 | MAOP230706 | Tối ưu hóa | 3 | *Khoa chọn* |
| 6 | MATH130401 | Xác suất thống kê ứng dụng | 3 | *Khoa chọn* |
| 7 | EMET230606 | Kinh tế lượng | 3 | *Khoa chọn* |
| **Tổng cộng** | | | **20** |  |

***3.1.7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***

**3.7.1.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | MICR230506 | Kinh tế vi mô | 3 |  |
| 2 | PRAC230407 | Nguyên lý kế toán | 3 |  |
| 3 | BLAW230308 | Luật kinh tế | 3 |  |
| 4 | SQMA432208 | Quản trị chất lượng dịch vụ | 3 | *Mới điều chỉnh* |
| 5 | PRAC321908 | Chuyên đề thực hành | 2 | *Mới điều chỉnh* |
| 6 | BENG330708 | Anh văn thương mại | 3 |  |
| 7 | FMAR231206 | Marketing căn bản | 3 |  |
| 8 | ECOM431308 | Thương mại điện tử | 3 | *Mới điều chỉnh* |
| 9 | DNET332208 | Mạng giao tiếp dữ liệu | 3 | *Mới điều chỉnh* |
| **Cộng** | | | **27** |  |

**3.1.7.2.2 Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | ANDE330184 | Phân tích và thiết kế hệ thống | 3 |  |
| 2 | FTMA430908 | Quản trị ngoại thương | 3 |  |
| 3 | SAMA332008 | Quản trị bán hàng | 3 | *Mới điều chỉnh* |
| 4 | FIMA430807 | Quản trị tài chính | 4 |  |
| 5 | SCMA430706 | Quản trị chuỗi cung ứng | 3 |  |
| 6 | LOMA332509 | Quản trị logistics | 3 | *Mới điều chỉnh* |
| 7 | DMSY430184 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 3 |  |
| 8 | WEDE330484 | Thiết kế WEB | 3 |  |
| 9 | ERPS431208 | Phầm mềm ứng dụng (ERP) | 3 (2+1) |  |
| 10 | EPAY431408 | Thanh toán điện tử | 3 |  |
| 11 | ECOS431508 | Bảo mật thương mại điện tử | 3 |  |
| 12 | EMAR431108 | Marketing điện tử | 3 |  |
| 13 | HRMA331206 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 |  |
| 14 | STMA430406 | Quản trị chiến lược | 3 |  |
|  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | **43** |  |

**3.1.7.2.3 Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | INTE441106 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | *BB trường* |
| **Cộng** | | | **4** |  |

**3.1.7.2.4 Khoá luận tốt nghiệp (*hoặc thi tốt nghiệp)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | IMGR4101206 | Khóa luận tốt nghiệp QCN/Thi TN | 10 |  |
| **Cộng** | | | **10** |  |

**B – PHẦN TỰ CHỌN:**

**3.1.7.1.b. Kiến thức giáo dục đại cương: (Chọn 2 môn trong các môn: 04 tín chỉ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
| 1 | BPLA420606 | Kế hoạch kinh doanh | 2 |  |
| 2 | PRSK320705 | Kỹ năng thuyết trình | 2 |  |
| 3 | BPLA121808 | Kế hoạch khởi nghiệp | 2 | *Mới điều chỉnh* |
| 4 | BCOM320106 | Giao tiếp trong kinh doanh | 2 | *Mới điều chỉnh* |
| 5 | ORBE320106 | Hành vi tổ chức | 2 | *Mới điều chỉnh* |

**3.1.7.2 b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

**3.1.7.2.1.b Tự chọn những môn thuộc nhóm A:**

**(Chọn 2 trong các môn: 06 Tín chỉ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
| 1 | PROM430506 | Quản trị dự án công nghiệp | 3 |  |
| 2 | TEMA331806 | Quản trị công nghệ | 3 |  |
| 3 | MAIS430306 | Hệ thống thông tin quản lý (MIS) | 3 | (2+1) |
| 4 | DITE334029 | Kỹ thuật số | 3 |  |
| 5 | ORPR330284 | Lập trình hướng đối tượng | 3 |  |
| 6 | DSEC430284 | Bảo mật cơ sở dữ liệu | 3 |  |
| 7 | ADBE430808 | Anh văn thương mại nâng cao | 3 | Mới điều chỉnh |

**3.1.7.2.2.b Tự chọn những môn thuộc nhóm B:**

**(Chọn 02 trong các môn: 04 Tín chỉ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | SEMA320907 | Thị trường chứng khoán | 2 |  |
| 2 | CUSM321006 | Quản trị quan hệ khách hàng | 2 |  |
| 3 | INPA421008 | Thanh toán quốc tế | 2 |  |
| 4 | PSBU220408 | Tâm lý học kinh doanh | 2 |  |
| 5 | INBU220508 | Kinh doanh quốc tế | 2 |  |
| 6 | MAAC420807 | Kế toán quản trị | 2 |  |

**3.1.8. Kế hoạch giảng dạy**

**Học kỳ 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | MATH130801 | Toán cao cấp C1 | 3 |  |
|  | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 |  |
|  | LLCT150105 | Những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin | 5 |  |
|  | MIOF130207 | Tin học văn phòng | 3 (2+1) | Mới điều chỉnh |
|  | ECOM130108 | Nhập môn ngành TMĐT | 3 (2+1) |  |
| **Tổng** | | | **18** |  |

**Học kỳ 2:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | MATH120901 | Toán cao cấp C2 | 3 |  |
|  | ENGL130137 | Anh văn 1 | 3 |  |
|  | MACR230406 | Kinh tế vĩ mô | 3 |  |
|  | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |
|  | FUMA230806 | Quản trị học căn bản | 3 |  |
|  | MATH130401 | Xác suất thống kê ứng dụng | 3 |  |
|  | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 |  |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức giáo dục đại cương** | **2** |  |
| **Tổng** | | | **19** |  |

**Học kỳ 3:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | LLCT230214 | Đường lối cách mạng của ĐCSVN | 3 |  |
|  | PRAC230407 | Nguyên lý kế toán | 3 |  |
|  | ENGL230237 | Anh văn 2 | 3 |  |
|  | SCRE220306 | Phương pháp NCKH kinh tế | 2 |  |
|  | STAT231006 | Thống kê trong kinh doanh | 3 |  |
|  | MAOP230706 | Tối ưu hóa | 3 |  |
|  | PHED110613 | Giáo dục thể chất 2 |  |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức giáo dục đại cương** | **2** |  |
| **Tổng** | | | **19** |  |

**Học kỳ 4:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | EMET230606 | Kinh tế lượng | 3 |  |
|  | FMAR231206 | Marketing căn bản | 3 |  |
|  | MACR230406 | Kinh tế vĩ mô | 3 |  |
|  | ENGL330337 | Anh văn 3 | 3 |  |
|  | BLAW230308 | Luật kinh tế | 3 |  |
|  | BENG330708 | Anh văn thương mại | 3 |  |
|  | PHED130715 | Giáo dục thể chất 3 |  |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn A** | **3** |  |
| **Tổng** | | | **21** |  |

**Học kỳ 5:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | ECOM431308 | Thương mại điện tử | 3 |  |
|  | DNET332208 | Mạng giao tiếp dữ liệu | 3 |  |
|  | DMSY430184 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 3 |  |
|  | HRMA331206 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 |  |
|  | WEDE330484 | Thiết kế WEB | 3 (2+1) |  |
|  | SAMA332008 | Quản trị bán hàng | 3 |  |
| **Tổng** | | | **18** |  |

**Học kỳ 6:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | STMA430406 | Quản trị chiến lược | 3 |  |
|  | EMAR431108 | Marketing điện tử | 3 |  |
|  | LOMA332509 | Quản trị logistics | 3 |  |
|  | FTMA430908 | Quản trị ngoại thương | 3 |  |
|  | FIMA430807 | Quản trị tài chính | 4 |  |
|  | PRAC321908 | Chuyên đề thực hành | 2 |  |
|  |  | **Chọn 2 môn trong nhóm tự chọn B** | **4** |  |
| **Tổng** | | | **22** |  |

**Học kỳ 7:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | ERPS431208 | Phần mềm ứng dụng (ERP) | 3 (2+1) |  |
|  | ANDE330184 | Phân tích và thiết kế hệ thống | 3 |  |
|  | EPAY431408 | Thanh toán điện tử | 3 |  |
|  | ECOS431508 | Bảo mật thương mại điện tử | 3 |  |
|  | SCMA430706 | Quản trị chuỗi cung ứng | 3 |  |
|  | SQMA432208 | Quản trị chất lượng dịch vụ | 3 |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn A** | **3** |  |
| **Tổng** | | | **21** |  |

**Học kỳ 8:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | INTE441608 | Thực tập tốt nghiệp | 4 |  |
|  | ECGR401708 | Khóa luận TN TĐT/Thi TN | 10 |  |
| **Tổng** | | | **14** |  |

**3.1.9 Mô tả vắn tắt nội dung và khối l­ượng các học phần**

**3.1.9.1 Các nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin Số TC:05**

**3.1.9.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh Số TC:02**

**3.1.9.3 Đường lối CM của ĐCS Việt Nam Số TC:03**

**3.1.9.4 Anh văn 1 Số TC:03**

**3.1.9.5 Anh văn 2 Số TC:03**

**3.1.9.6 Anh văn 3 Số TC:03**

**3.1.9.7 Pháp luật đại cương Số TC:02**

*- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*

*- Điều kiện tiên quyết:*

*- Tóm tắt nội dung học phần:*

- Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”

- Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

**3.1.9.8 Toán cao cấp C1 Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ Rn, dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

**3.1.9.9 Toán cao cấp C2 Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

**3.1.9.10 Lập trình quản lý** (MS Access) **Số TC:03**

*- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*

*- Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức đi từ việc tìm hiểu các khái niệm về một hệ quản trị cơ sở dữ liệu đến các thao tác để tạo lập các đối tượng trong Access. Đồng thời, môn học cũng trang bị cho sinh viên những thuật toán cần thiết trong lập trình quản lý dựa trên ngôn ngữ lập trình VBA. Sau khi học xong môn học này sinh viên có khả năng xây dựng được các chương trình quản lý ở mức độ vừa phải để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công việc của mình.

**3.1.9.11 Xác suất thống kê ứng dụng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

**3.1.9.14 Nhập môn ngành Thương mại điện tử Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Thương mại điện tử cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

**3.1.9.15 Phương pháp NCKH kinh tế Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (1, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức thực hiện một nghiên cứu khoa học từ khâu lên kế hoạch, viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết đến khâu hoàn thành báo cáo nghiên cứu.

**3.1.9.16 Kinh tế lượng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hóa một mô hình kinh tế. Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế. Những kỹ thuật này sẽ được minh họa cụ thể nhờ phần mềm thống kê EViews 5.0. Phần mềm này sẽ được minh họa với các ví dụ lồng vào các buổi học hàng tuần.

**3.1.9.17 Quy hoạch tuyến tính Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Toán C1, C2*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

**3.1.9.18 Hệ cơ sở dữ liệu Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Không

*- Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu. Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêu khóa, khóa chính, khóa dự tuyển, khóa ngoại, ngôn ngữ đại số quan hệ, ngôn ngữ SQL, các dạng chuẩn và tính chất tương ứng.

**3.1.9.19 Bảo Mật Cơ Sở Dữ Liệu Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Cơ Sở Dữ Liệu, Hệ Quản Trị Cơ Sở Dữ Liệu

*- Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về các cơ chế và kỹ thuật bảo mật cơ sở dữ liệu, cụ thể:

* Các kiểu tấn công, các cấp độ bảo mật và các phương pháp bảo vệ tương ứng
* Bảo mật cơ sở dữ liệu bằng phương pháp kiểm soát truy cập (Access Control) với các mô hình DAC, MAC, RBAC.
* Bảo mật bằng phương pháp mã hóa dữ liệu
* Vấn đề kiểm định (Audit)
* Vấn đề sao lưu và phục hồi dữ liệu.
* Cách thức hiện thực các mô hình và các công nghệ hỗ trợ bảo mật trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

**3.1.9.20 Phương pháp lập trình Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:Toán C1, toán C2,*

*- Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các bước giải quyết một bài toán lập trình. Ngoài ra môn học này còn định hướng phương pháp tư duy, phong cách lập trình, cách giải quyết bài toán tin học bằng lưu đồ khối, lập trình giải các bài toán tin học đơn giản bằng một ngôn ngữ lập trình cụ thể (C/C++).

**3.1.9.21 Kinh tế Vĩ mô Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để hiểu được mục tiêu của các chính sách kinh tế vĩ mô, các công cụ điều tiết vĩ mô, lạm phát, thất nghiệp, tổng cung, tổng cầu để có thể phân tích và lập luận trong kinh tế; giải thích đươc hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường.

**3.1.9.22 Nguyên lý kế toán Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, …).

**3.1.9.23 Luật kinh tế Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: pháp luật đại cương*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Luật kinh tế từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh tế với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng…

**3.1.9.24 Quản trị học căn bản Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc hoạ hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

**3.1.9.25 Thống kê trong kinh doanh Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm giới thiệu thống kê học ứng dụng trong kinh doanh thông qua các bài tập, đề án lấy từ thực tế kinh doanh để sao cho sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ biết áp dụng vào thực tế. Ngoài phần thống kê mô tả, trong đó sinh viên sẽ làm quen với các phương pháp thu thập, sắp xếp, trình bày dữ liệu v.v, còn có một phần thống kê suy đoán để giúp cho sinh viên biết dùng các công cụ thống kê để ra quyết định mang tính định lượng trong kinh doanh như trắc nghiệm giả thiết, hồi quy tuyến tính, … Để học tốt môn này, sinh viên cần có những hiểu biết cơ bản về EXCEL và tinh thần làm việc theo nhóm.

**3.1.9.26 Marketing điện tử Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần: M*arketing điện tử là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing điện tử, marketing điện tử là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing điện tử trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing điện tử bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing điện tử đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

**3.1.9.27 Kế toán quản trị Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp…

**3.1.9.28 Anh văn thương mại Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Anh văn 1, 2, 3
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học củng cố và phát triển kiến thức ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng với trọng tâm là xây dựng cấu trúc câu và đoạn văn sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và viết thư tín thương mại. Ngoài ra, môn học còn cung cấp từ vựng và những khái niệm được sử dụng trong các sách, báo, tạp chí và các tài liệu chuyên ngành thương mại. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu trong môi trường thương mại. Môn học đặc biệt chú trọng đến kỹ năng diễn đạt ý kiến, suy nghĩ, ý tưởng trong môi trường kinh doanh.

**3.1.9.29 Quản trị công nghệ Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*  Quản trị học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học quản trị công nghệ cung cấp các kiến thức cơ sở để giúp sinh viên ứng dụng được khoa học quản trị vào lĩnh vực khai thác, sử dụng công nghệ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao. Quản trị công nghệ có vai trò thúc đẩy đầu tư phát triển công nghệ của doanh nghiệp, tạo ra vũ khí cạnh tranh mạnh mẽ nhất trong nền kinh tế thị trường hiện nay và nó tạo nền tảng cho sự tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp.

Học phần Quản trị công nghệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ và kiến thức kỹ năng quản trị công nghệ trong doanh nghiệp công nghiệp.

Học phần quản trị công nghệ giúp cho học viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích đánh giá được năng lực công nghệ, qua đó mà lựa chọn, chuyển giao được công nghệ thích hợp phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Học phần quản trị công nghệ còn trang bị kiến thức, phương pháp luận về công tác quản lý công nghệ phục vụ cho chiến lược đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

**3.1.9.30 Quản trị nguồn nhân lực Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*  Quản trị học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

**3.1.9.31 Quản trị chất lượng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

**3.1.9.32 Hệ thống thông tin quản lý (MIS) Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản, Tin học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các lọai hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

**3.1.9.33 Quản trị chiến lược Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản, Quản trị Marketing, Quản trị tài chính
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**3.1.9.34 Quản trị dự án công nghiệp Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Thống kê trong kinh doanh, Quản trị học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.

**3.1.9.35 Kế hoạch kinh doanh Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*

*- Tóm tắt nội dung học phần:*Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rũi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

**3.1.9.36 Quản trị chuỗi cung ứng Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị sản xuất 1, Quản trị sản xuất 2, Marketing căn bản.
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

**3.1.9.37 Quản trị tài chính Số TC:08**

* *Phân bố thời gian học tập: 4(3,1,8)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

**3.1.9.38 Kinh tế Vi mô Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy luật cung cầu, kinh tế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất. Các phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế. Các hoạtt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường.

**3.1.9.39 Tiếng Việt thực hành Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giới thiệu sinh viên**n**hững đặc điểm cơ bản của tiếng Việt,những kiểu sai về chính tả, từ, câu trong tiếng Việt và cách khắc phục, những phong cách ngôn ngữ chức năng tiếng Việt.

**3.1.9.40 Kỹ năng thuyết trình Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Tạo ra một bài thuyết trình là một nghệ thuật. Hầu hết mọi người đều trải qua sự lúng túng trong qúa trình thuyết trình. Để có một bài thuyết trình một cách chuyên nghiệp họ cần có các kỹ năng thuyết trình thông qua các khóa đào tạo. Kỹ năng thuyết trình là trình bày giải thích và giới thiệu một vấn đề. Trong đó phải vận dụng cách nói chuyện cho hợp logic với các vấn đề cần thuyết trình. Với các kỹ năng trình bày tốt là cần thiết để trở thành một người thuyết trình thành công.

**3.1.9.41 Nhập môn Logic học Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần bao gồm các hoạt động khái quát, trừu tượng hóa sự vật thành những khái niệm chung nhất có tính chất định danh một lớp sự vật được con người tri nhận bằng những lý tính đơn nhất, con người qua nối kết các khái niệm, để từ đó xác lập về mặt lý luận có tính chất phán đoán các mối quan hệ suy tưởng có phù hợp hoặc không phù hợp với hiện thực khách quan, nói cách khác ta xác lập mối quan hệ giữa các khái niệm bằng những phán đoán đúng hoặc sai. Từ những phán đoán, con người có thể kiến tạo một suy luận và suy luận chính là hình thức của tư duy nhằm rút ra phán đoán mới từ một hay nhiều phán đoán đã có. Suy luận giúp sinh viên phân biệt được tính chân thật của lập luận cũng như có thể nhận thức được đâu là ngụy biện của quá trình lý luận.

**3.1.9.42 Cơ sở văn hóa Việt Nam Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giúp sinh viên nhận thức được khái niệm văn hóa, đặc trưng của sáu vùng văn hóa Việt Nam. Sinh viên được tham khảo và nghiên cứu các tiêu chí hình thành các vùng văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận diện được nền văn hóa dân tộc.

**3.1.9.43 Mạng máy tính Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Không

*- Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học này cung các các khái niệm cơ bảnrr trong mạng máy tính, đặc điểm cơ bản của các loại mạng; kiến thức về nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, các giao thức phổ biến hoạt động trong hệ thống mạng; các kiến thức về thiết kế, cấu hình và vận hành hệ thống mạng đơn giản trên Windows; các kiến thức về thiết kế, cấu hình và vận hành hệ thống mạng đơn giản trên Linux

**3.1.9.52 Kỹ thuật số Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần giới thiệu các hệ thống đếm và mã dùng trong kỹ thuật số, đại số logic, tối thiểu hoá hàm logic và các họ vi mạch số; giới thiệu về thiết kế và phân tích mạch tổ hợp, một số mạch tổ hợp chuyên dụng; mạch dãy, các mạch logic dãy, một số mạch ứng dụng các vi mạch cỡ lớn, các mạch số học dùng IC cỡ lớn và chuyển đổi tín hiệu; thực hành, tìm hiểu, lựa chọn linh kiện, lắp ráp, điều chỉnh một số mạch đơn giản.

**3.1.9.44 Hành vi tổ chức Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Không
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

**3.1.9.45 Giao tiếp trong kinh doanh Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

**3.1.9.46 Thị trường chứng khoán Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:*Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán và thị trường chứng khoán – một trong những kênh huy động vốn quan trọng nhất trong bất kỳ nền kinh tế nào của thế giới. Sinh viên được trình bày những lý thuyết căn bản của chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm những khái niệm về cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường chứng khoán như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các công ty chứng khoán.

**3.1.9.47 Quản trị quan hệ khách hàng Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Không
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm chiến lược, chăm sóc khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và có thể ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống.

**3.1.9.48 Anh văn thương mại nâng cao Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Anh văn đại cương 1, 2, 3; Anh văn thương mại
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm các đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau thuộc lĩnh vực thương mại và quản lý. Trong mỗi bài học, sinh viên được trau dồi và nâng cao kiến thức từ vựng chuyên ngành và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Ngoài ra, môn học còn chú trọng mở rộng kiến thức về chuyên ngành như: xây dựng thương hiệu, tiếp thị, tài chính – tiền tệ, cải các và đổi mới, các hình thức tổ chức doanh nghiệp v.v…

**3.1.9.49 Tâm lý học kinh doanh Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Anh văn đại cương 1, 2, 3; Anh văn thương mại
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,..

**3.1.9.50 Kinh doanh quốc tế Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu**.**

**3.1.9.52 Phần mềm ứng dụng (ERP) Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 3

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

**3.1.9.54 Quản trị ngoại thương Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*

*Tóm tắt nội dung học phần*

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học năm được nôi dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế… Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

**3.1.9.55 Thực tập tốt nghiệp Số TC:04**

* *Phân bố thời gian học tập: 4 (0, 4, 8)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng k‎ý đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

**3.1.9.56 Khóa luận tốt nghiệp TĐT/ Thi TN Số TC:10**

* *Phân bố thời gian học tập: 10(10, 0, 20)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

**3.1.10. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Giờ quy định tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp

= 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành

= 45 giờ tự học

= 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.

= 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của học phần là bội số của 15.

* Thi tốt nghiệp: được tổ hợp từ kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và môn chính trị.
* Khóa luận tốt nghiệp: dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học.
* Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính lôgic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, các cơ sở đào tạo cần quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.
* Về nội dung: nội dung trong đề cương là nội dung cốt lõi của học phần. Tuỳ theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó.
* Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, cơ sở đào tạo cần quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.
* Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thưc lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.
* Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn,... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tuỳ theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, giảng viên hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, thảo luận và làm việc theo nhóm.